TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 5 – CAO BẰNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2026/HNGĐ-ST
Ngày 25 - 3 - 2026
V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 – CAO BẰNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Kim

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nông Văn Nghiệp

2. Bà Nguyễn Mai Hiên

- Thư ký phiên tòa: Bà Nông Thị Nhung – Thư ký viên Tòa án nhân dân khu vực 5 - Cao Bằng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 – Cao Bằng tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Quyên - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 3 năm 2026 tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 - Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 35/2025/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 11 năm 2025 về việc: Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 03/3/2026 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phạm Minh C, sinh ngày 30 tháng 9 năm 1986; Nơi đăng ký thường trú: Số nhà A, tổ dân phố H, phường T, tỉnh Cao Bằng; Nơi ở hiện nay: Số B, tổ I, phường T, tỉnh Cao Bằng. Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Lương Xuân H, sinh ngày 16/6/1986; Nơi đăng ký thường trú: Số nhà A, Hòa C, phường T, tỉnh Cao Bằng; Nơi công tác: Công an xã B, tỉnh Cao Bằng; địa chỉ: xóm C, xã B, tỉnh Cao Bằng. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 14/11/2025, bản tự khai ngày 12/12/2025, các phiên hoà giải và tại phiên toà, nguyên đơn Phạm Minh C trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Lương Xuân H được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương ngày 27/10/2010, đến ngày 29/10/2010 chị và anh H tự nguyện cùng nhau đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường

H, thành phố C, tỉnh Cao Bằng nay là Phường T, tỉnh Cao Bằng. Anh chị chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh H sống phụ thuộc vào ý kiến của bố mẹ đẻ của anh H, anh H không minh bạch tài chính gia đình làm cho chị không có tiếng nói trong gia đình và trong việc nuôi dạy con cái. Sự việc đã được anh chị trao đổi nhiều lần nhưng hai bên vẫn không tìm được tiếng nói chung. Anh chị có thời gian sống ly thân từ tháng 3 năm 2024 đến tháng 8 năm 2024. Sau khi quay trở lại chung sống cùng nhau tình cảm giữa chị và anh H vẫn không cải thiện, C1 và anh H lại sống ly thân từ tháng 9 năm 2025 đến nay. Tại phiên toà, chị vẫn xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh H, chị đề nghị Toà án cho chị được ly hôn với anh Lương Xuân H.

Về con chung: Chị và anh H có 02 con chung là: Lương Xuân T, sinh ngày 01/8/2011 và Lương Phạm Xuân S, sinh ngày 27/10/2013. Tại đơn khởi kiện và bản tự khai chị có nguyện vọng được nuôi cả hai con và yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 4.000.000 đồng/con. Tại các phiên hoà giải, chị nhất trí theo ý kiến của anh H, chị sẽ là người chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Lương Xuân T, sinh ngày 01/8/2011, còn anh H sẽ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục cháu Lương Phạm Xuân S, sinh ngày 27/10/2013. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau. Tại phiên toà, chị đồng ý theo yêu cầu của anh H về người trực tiếp nuôi con, chị đồng ý giao cả hai con cho anh H chăm sóc nuôi dưỡng, do hiện nay cháu T đang sống cùng với anh H tại xã B, chị đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung Lương Xuân T mỗi tháng 3.000.000 đồng, tính từ tháng 4/2026 cho đến khi con Lương Xuân T đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Chị yêu cầu chia tài sản chung là 01 chiếc xe ô tô Toyota Raize, biển kiểm soát 11A 07971, trị giá chiếc xe là 400.000.000 đồng, chị yêu cầu được chia đôi, mỗi người 200.000.000 đồng, chị sẽ lấy hiện vật là chiếc xe và thanh toán cho anh H ½ giá trị chiếc xe là 200.000.000 đồng. Tại phiên hoà giải ngày 09/01/2026, chị rút yêu cầu chia tài sản chung đối với 01 chiếc xe ô tô Toyota Raize, biển kiểm soát 11A 07971.

Về nợ chung: Không có.

Bị đơn là anh Lương Xuân H có bản tự khai ngày 12/12/2025, các phiên hoà giải và tại phiên toà trình bày.

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị C có đăng ký kết hôn ngày 29/10/2010 tại Ủy ban nhân dân Phường H, thành phố C, tỉnh Cao Bằng nay là Phường T, tỉnh Cao Bằng. Anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn do kinh tế gia đình. Trong thời gian chung sống anh bị bệnh, chị C có chăm sóc anh nhưng ngoài ra còn có bố mẹ đẻ của anh cũng chăm sóc và hỗ trợ chi phí chữa bệnh cho anh. Thời gian từ tháng 3 năm 2024 đến tháng 8 năm 2024 anh chị sống ly thân là do chị C và gia đình chị C mua nhà nhưng không hỏi ý kiến anh do vậy thời gian

này anh và 02 con không chuyển đến sống chị C. Hai bên tiếp tục có mâu thuẫn nên anh chị sống ly thân từ tháng 9 năm 2025 đến nay. Tại phiên toà, anh H kiên quyết không đồng ý ly hôn với chị C vì anh vẫn còn tình cảm với chị C.

Về con chung: Anh và chị C có 02 con chung là: Lương Xuân T, sinh ngày 01/8/2011 và Lương Phạm Xuân S, sinh ngày 27/10/2013. Các phiên hoà giải, anh yêu cầu được nuôi con Lương Phạm Xuân S, sinh ngày 27/10/2013, chị C nuôi con Lương Xuân T, sinh ngày 01/8/2011. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau. Tại phiên toà, anh thay đổi yêu cầu, anh yêu cầu được nuôi cả hai con do con lớn Lương Xuân T chuyển vào xã B và sinh sống với anh, còn cháu L Phạm Xuân S đang sống cùng với bố mẹ đẻ của anh tại phường T, tỉnh Cao Bằng, anh yêu cầu chị C cấp dưỡng nuôi con Lương Phạm Xuân T1 mỗi tháng 3.000.000 đồng, thời điểm cấp dưỡng tính từ tháng 4/2026.

Về tài sản chung: Anh chị có 01 chiếc xe ô tô Toyota Raize, biển kiểm soát 11A 07971, ngoài ra, anh chị còn có đất và nhà trên đất có tổng trị giá là 1.600.000.000 đồng, anh yêu cầu được chia đôi, anh lấy giá trị bằng tiền là 800.000.000 đồng. Ngày 18/12/2025, anh H có đơn trình bày không yêu cầu chia tài sản chung là nhà và đất.

Về nợ chung: Không có.

Toà án nhân dân khu vực 5 – Cao Bằng ra Quyết định uỷ thác số 193/2025/QĐ-UTTA Ngày 23/12/2025, uỷ thác thu thập chứng cứ cho Toà án nhân dân khu vực 1 – Cao Bằng. Kết quả, ngày 24/01/2026, Toà án nhân dân khu vực 1 – Cao Bằng đã xác minh với bà Đặng Thị H1, tổ trưởng Tổ dân phố H, phường T, tỉnh Cao Bằng. Bà H1 cho biết thời gian chung sống tại địa phương không thấy vợ chồng anh H, chị C có mâu thuẫn gì; Về con chung: Anh H, chị C có 02 con chung là cháu Lương Xuân T và cháu L Phạm Xuân S. Cháu S hiện đang sinh sống với bố mẹ đẻ của anh H, cháu T hiện đã theo anh H vào xã B để sinh sống và học tập. Ý kiến của cháu Lương Xuân T ngày 24/12/2025, cháu T cho biết, trường hợp bố mẹ ly hôn thì cháu có nguyện vọng muốn sống với mẹ; ý kiến của cháu L Phạm Xuân S, cháu S cho biết, trường hợp bố mẹ ly hôn cháu có nguyện vọng ở với bố.

* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng về: Thẩm quyền thụ lý vụ án; xác định tư cách tham gia tố tụng; tiếp nhận tài liệu, chứng cứ do đương sự giao nộp; thủ tục cấp, tống đạt văn bản tố tụng; thời hạn chuẩn bị xét xử; chuyển Quyết định đưa vụ án ra xét xử và hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát đều đúng thời hạn.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị áp dụng khoản 1, Điều 51; khoản 1, Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 116 của Luật Hôn nhân và đình năm 2014; điểm a, khoản 3, Điều 4 Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 quyết hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình; Khoản 2, Điều 244; khoản 4 Điều 147; khoản 3 Điều 218 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; điểm a, khoản 5, khoản 6, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho chị Phạm Minh C được ly hôn anh Lương Xuân H.

Về con chung: Đề nghị công nhận sự thoả thuận của các đương sự, giao cho anh H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai cháu Lương Xuân T và L Phạm Xuân S cho đến khi các cháu T, S đủ 18 tuổi. Chị C cấp dưỡng nuôi cháu T mỗi tháng 3.000.000 đồng, thời điểm cấp dưỡng tính từ tháng 4/2026 cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Đề nghị đình chỉ yêu cầu chia tài sản chung là 01 chiếc xe ô tô Toyota Raize, biển kiểm soát 11A 07971 do nguyên đơn rút yêu cầu.

Về nợ chung: Không có, đề nghị Toà án không xem xét.

Về án phí: Đề nghị buộc chị Phạm Minh C phải chịu số tiền 300.000 đồng án phí nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung, tổng số tiền chị C phải chịu là 600.000 đồng; Chị C được trả lại tiền tạm ứng án phí chia tài sản chung. Chị C đã nộp số tiền 5.000.000 đồng tạm ứng án phí tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 5 - Cao Bằng, đề nghị trả lại cho chị C số tiền 4.400.000 đồng tiền tạm ứng án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Phạm Minh C có đơn khởi kiện yêu cầu xin ly hôn, tranh chấp nuôi con chung, chia tài sản chung với anh Lương Xuân H; Quá trình giải quyết vụ án, anh Lương Xuân H có nơi làm việc tại xóm C, xã B, tỉnh Cao Bằng; chị C rút yêu cầu chia tài sản chung; Căn cứ vào khoản 1, Điều 28; Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2025) vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân khu vực 5 – Cao Bằng, Toà án giải quyết các yêu cầu ly hôn, tranh chấp nuôi con chung theo thủ tục chung.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Minh C và anh Lương Xuân Hòa kết H2 trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 29/10/2010 tại Ủy ban nhân dân

Phường H, thành phố C, tỉnh Cao Bằng nay là Phường T, tỉnh Cao Bằng nên là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Suốt quá trình giải quyết vụ án, chị C vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn còn anh H thì kiên quyết không đồng ý ly hôn. Do hai bên không thống nhất được quan hệ hôn nhân, vì vậy, Toà án căn cứ vào lời khai của các đương sự, các chứng cứ đã thu thập được để giải quyết, cụ thể, kết quả xác minh tại địa phương ngày 27/01/2026, xác nhận tại địa phương chị C và anh H không có mâu thuẫn. Đơn khởi kiện, các phiên hoà giải và tại phiên toà chị C xác định vợ chồng có nhiều mâu thuẫn; Tại bản tự khai, các phiên hoà giải và tại phiên toà, anh H thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn nhưng chỉ thừa nhận nguyên nhân là về kinh tế. Hai bên thừa nhận đã sống ly thân trong khoảng thời gian từ tháng 3 năm 2024 đến tháng 8 năm 2024 và từ tháng 9 năm 2025 đến nay. Căn cứ vào khoản 2, Điều 92 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh *"một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết sự kiện ...mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh"*. Do đó, Hội đồng xét xử xác định vợ chồng chị C và anh H có mâu thuẫn và nguyên nhân của mâu thuẫn là về kinh tế tài chính gia đình, vợ chồng chị C, anh H sống ly thân từ tháng 9 năm 2025 đến nay điều đó chứng tỏ anh H và chị C đã không còn yêu thương, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau vì vậy sẽ thể không tạo nên một gia đình hạnh phúc, tiến bộ. Căn cứ vào khoản 1, Điều 56 của Luật Hôn nhân và đình; điểm a, khoản 3, Điều 4 Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 quyết hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình, chị C có yêu cầu xin ly hôn với anh H là có cở sở, được chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị C và anh H có 02 con chung là: Lương Xuân T, sinh ngày 01/8/2011 và Lương Phạm Xuân S, sinh ngày 27/10/2013. Hiện nay cháu T đang sinh sống và học tập cùng với anh H tại xóm C, xã B, tỉnh Cao Bằng, cháu S đang sống cùng với bố mẹ đẻ của anh H tại phường T, tỉnh Cao Bằng. Tại các phiên hoà giải, anh H, chị C thoả thuận, anh H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu L Phạm Xuân S, còn chị C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Lương Xuân T, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau. Nhưng tại phiên toà, anh H thay đổi yêu cầu nuôi con, anh yêu cầu được chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai con và yêu cầu chị C cấp dưỡng nuôi cháu Lương Xuân T mỗi tháng 3.000.000 đồng, thời điểm cấp dưỡng tính từ tháng 4/2026 cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi, chị C đồng ý với yêu cầu thay đổi nuôi con của anh H. Căn cứ vào Điều 5 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, quyền quyết định và tự định đoạt của đương sự, Điều 58; khoản 2, Điều 81; Điều 116 của Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 2, Điều 3 Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 Nghị quyết hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình, Toà án cần chấp nhận sự thoả thuận này. Anh H được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu cả hai con Lương Phạm Xuân S và Lương Xuân T cho đến khi các con T, S đủ 18 tuổi. Chị C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung Lương Xuân T mỗi tháng 3.000.000 đồng, thời

điểm cấp dưỡng tính từ tháng 4/2026 cho đến khi con chung Lương Xuân T đủ 18 tuổi.

[4] Về tài sản chung: Chị Phạm Minh C có yêu cầu chia tài sản chung là 01 chiếc xe ô tô Toyota Raize, biển kiểm soát 11A 07971 nhưng tại phiên hoà giải ngày 09/01/2025 chị C rút yêu cầu chia tài sản đối với chiếc xe này. Xét thấy, việc rút yêu cầu chia tài sản của chị C là tự nguyện và là quyền của đương sự được quy định tại khoản 4, Điều 70 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, nên cần chấp nhận. Toà án sẽ đình chỉ xét xử yêu cầu chia tài sản chung là 01 chiếc xe ô tô Toyota Raize, biển kiểm soát 11A 07971 theo quy định tại khoản 2, Điều 244 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Các đương sự có quyền yêu cầu khởi kiện lại yêu cầu chia tài sản chung sau ly hôn theo quy định của pháp luật.

[5] Về nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí:

Toà án chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị C, căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật tụng Dân sự năm 2015; điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án, chị Phạm Minh C phải chịu số tiền 300.000 đồng án phí nhân và gia đình sơ thẩm, anh Lương Xuân H không phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Chị C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung nên phải chị án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng theo quy định tại khoản 6, Điều 27 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Tổng số tiền án phí chị C phải chịu là 600.000 đồng.

Chị C rút đơn yêu cầu chia tài sản chung nên chị C được trả lại tiền tạm ứng án phí chia tài sản chung theo quy định tại khoản 3 Điều 218 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Xác nhận, chị C đã nộp số tiền 5.000.000 đồng tạm ứng án phí tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 5 - Cao Bằng theo biên lai số 0000316 ngày 24/11/2025. Chị C được hoàn lại số tiền 4.400.000 đồng (Bốn triệu bốn trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng sự.

[8] Các vấn đề khác:

Chị C yêu cầu định giá tài sản, ngày 25/12/2025 và chị C đã nộp tiền tạm ứng định giá tài sản; Toà án có văn bản đề nghị Ủy ban nhân dân xã B thành lập Hội đồng định giá tài sản, Ủy ban nhân dân xã B có văn bản phản hồi về Toà án nhân dân khu vực 5 – Cao Bằng về việc hiện tại xã B chưa đủ cơ sở điều kiện

thành lập Hội đồng định giá tài sản. Chị C đã rút yêu cầu chia tài sản chung, Toà án đã tiến hành trả lại tiền tạm ứng chi phí định giá cho chị C vào ngày 09/01/2026.

Ngày 09/02/2026, Toà án nhận được đơn đề nghị thông báo về tiến độ giải quyết vụ án của chị Phạm Minh C, Toà án có văn bản số 330/TB-TA ngày 09/02/2026 trả lời không chấp nhận đơn đề nghị này của chị C.

[9] Các đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên toà về quan hệ hôn nhân, nuôi con chung, cấp dưỡng nuôi con chung, án phí ly hôn, án phí cấp dưỡng nuôi con chung, đình chỉ yêu cầu chia tài sản chung đều phù hợp với các nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1, Điều 51; khoản 1, Điều 56; khoản 2, Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 và Điều 116 của Luật Hôn nhân và đình năm 2014.

Khoản 1, Điều 28; Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39; khoản 4, Điều 147; khoản 2, Điều 244; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tụng sự;

Điểm a, khoản 3, Điều 4; Khoản 2, Điều 3 Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 quyết hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình;

Điểm a, khoản 5, khoản 6, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Minh C về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn" đối với anh Lương Xuân H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Minh C được ly hôn với anh Lương Xuân H.

2. Về con chung: Công nhận sự thoả thuận của các đương sự: Giao các cháu Lương Xuân T, sinh ngày 01/8/2011và Lương Phạm Xuân S, sinh ngày 27/10/2013 cho anh Lương Xuân H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các cháu T, S đủ 18 tuổi.

3.Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Phạm Minh C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung Lương Xuân T, sinh ngày 01/8/2011 mỗi tháng 3.000.000 (Ba triệu) đồng, thời điểm cấp dưỡng từ tháng 4/2026 cho đến khi con Lương Xuân T đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu

khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con chung, đương sự có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng con chung, mức cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn theo quy định của pháp luật.

4. Đình chỉ xét xử yêu cầu chia tài sản chung của nguyên đơn Phạm Minh C là 01 xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA, Raize biển kiểm soát 11A 07971, màu sơn đỏ, số khung: MHKAA1BA6MJ013855, số máy 1KRA627286, số chỗ ngồi: 05, tên chủ xe Phạm Minh C. Đương sự có quyền yêu cầu khởi kiện lại yêu cầu chia tài sản chung sau ly hôn theo quy định của pháp luật.

5. Án phí: Chị Phạm Minh C phải chịu số tiền 300.000 đồng án phí nhân và gia đình sơ thẩm, anh Lương Xuân H không phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình. Chị Phạm Minh C phải chịu số tiền 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

Tổng số tiền án phí chị C phải chịu là 600.000 đồng (Sáu trăm nghìn đồng), đối trừ với số tiền 5.000.000 đồng chị C đã nộp tạm ứng án phí tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 5 - Cao Bằng theo biên lai số 0000316 ngày 24/11/2025. Chị C được hoàn lại số tiền 4.400.000 đồng (Bốn triệu bốn trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí. Đương sự đã nộp đủ tiền án phí.

6. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân dự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a và 9 Luật hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật hành án dân sự".

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cao Bằng;
- VKSND tỉnh Cao Bằng;
- VKSND khu vực 5 – Cao Bằng;
- Các đương sự;
- Phòng Thi hành án dân sự khu vực 5 - Cao Bằng;
- UBND phường Tân Giang;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Hoàng Thị Kim